

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2022/DS-ST

Ngày: 12-5-2022

V/v Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Minh.
2. Bà Dương Thị Thu Vân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 363/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị L, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp TT, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Huỳnh Hoàng P, sinh năm 1985

Địa chỉ: số 117/9 HV, Phường 5, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 24/12/2021)

***- Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp TT, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1967

2/ Anh Huỳnh Minh N, sinh năm 1997

Cùng địa chỉ: ấp TT, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị P, bà L1 và anh N có mặt, ông Q vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Huỳnh Hoàng P trình bày như sau:

Trong Đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 21/11/2021, nguyên đơn bà Lê Thị L cho rằng: Từ ngày 21/7/2016 đến ngày 20/12/2019, bà Lê Thị L có cho bà Nguyễn Thị Kim L1 vay nhiều lần với tổng số tiền 76.000.000đồng. Bà L1 hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Đến ngày 05/11/2021, hai bên được tổ hòa giải ấp TT, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang hòa giải và bà L1 thừa nhận có nợ bà L số nợ trên và xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng nhưng bà L không đồng ý cho trả dần. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu bà L1 phải trả cho bà L số tiền còn nợ là 76.000.000đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong Đơn khởi kiện bổ sung và bản tự khai cùng ngày 24/12/2021, nguyên đơn bà Lê Thị L cho rằng: Con bà L1 là anh Huỳnh Minh N và chồng bà L1 là ông Huỳnh Văn Q biết việc bà L1 vay số tiền 76.000.000đồng đã trình bày trong đơn khởi kiện bởi vì anh N là người cùng bà L1 nhận tiền vay và ông Q biết sự việc và có thương lượng xin trả dần số nợ mỗi tháng 1.000.000đồng khi bà L đòi tiền. Đồng thời, bà L1 vay số tiền này để chi tiêu trong sinh hoạt gia đình. Do đó, bà L khởi kiện bổ sung yêu cầu bà L1, anh N và ông Q phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền vốn là 76.000.000đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 21/8/2019 đến ngày xét xử theo lãi suất 0,83/tháng, lãi tạm tính đến ngày 24/12/2021 là 17.662.400đồng, yêu cầu trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L và chị Huỳnh Hoàng P đại diện cho bà L thay đổi lời trình bày như sau:

Bà L có cho bà L1 vay nhiều lần, cụ thể là:

- Ngày 28/6/2019 AL cho vay 5.000.000 đồng;
- Ngày 30/6/2019 AL cho vay 6.000.000 đồng;
- Ngày 05/7/2019 AL cho vay 10.000.000 đồng;
- Ngày 10/7/2019 AL cho vay 10.000.000 đồng;
- Ngày 11/7/2019 AL cho vay 3.000.000 đồng;
- Ngày 18/7/2019 AL cho vay 12.000.000 đồng;
- Ngày 21/7/2019 AL cho vay 7.000.000 đồng;

Tổng các lần vay là 53.000.000đồng.

Khi vay, bà L1 không có làm giấy tờ cho bà L. Sau đó, bà L tự ghi lại các lần mượn tiền trên và có ghi thêm ngày 05/7/2019 AL bà L1 nợ 3.000.000đồng tiền lãi, bà L1 đồng ý tính vào tiền vốn nên tổng số tiền bà L1 mượn của bà L là 56.000.000đồng. Ngoài ra, ngày 26/6/2019, anh Huỳnh Minh N có vay của bà L số

tiền 20.000.000đồng nên anh N đã viết biên nhận gộp chung số tiền bà L1 đã mượn trên với số tiền anh N mượn và ghi nội dung “Ngày 21/7/2019 tổng cộng mượn 76.000.000 đồng” vào tờ giấy bà L ghi các khoản vay của bà L1. Các lần vay trên lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, vay không thời hạn. Bà L có nhận lãi đến năm 2020 do mẹ của bà L1 bị bệnh nên bà L1 không đóng lãi nữa. Khi bà L yêu cầu ông Q chồng bà L1 trả nợ thì ông Q có xin không trả lãi và xin trả vốn mỗi tháng 10.000.000đồng nhưng việc này chỉ nói miệng, không có giấy tờ.

Vì vậy, bà L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông Q liên đới cùng bà L1 và anh N trả nợ, không yêu cầu tính lãi chậm trả và không yêu cầu tính số tiền 3.000.000đồng tiền lãi đã gộp vào tiền vốn. Do đó, nay bà L yêu cầu bà L1 và anh N liên đới trả cho bà L số tiền vốn là 73.000.000đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Trong Bản tự khai và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 trình bày: Bà có vay của bà L nhiều lần tổng số tiền là 76.000.000đồng gồm 73.000.000đồng tiền vốn và 3.000.000đồng tiền lãi nhưng thời gian vay là từ đầu năm 2016, lãi suất vay là 10%/tháng, trả lãi đến tháng 6/2020 thì ngưng do mẹ bà bị bệnh không có khả năng đóng lãi. Con bà là anh Huỳnh Minh N có viết giấy xác nhận nợ cho bà L như bà L trình bày. Nay, bà không yêu cầu tính lại số lãi đã trả, bà đồng ý trả số tiền vốn là 73.000.000đồng. Bà đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng vì hoàn cảnh hiện nay của bà rất khó khăn.

\* Trong Bản tự khai và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Minh N trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của mẹ anh là bà Nguyễn Thị Kim L1. Nay, qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh đồng ý cùng mẹ anh trả số tiền 73.000.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng.

\* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Q: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Huỳnh Văn Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông Q liên đới cùng bà L1 và anh N trả nợ, không yêu cầu tính lãi chậm trả và không yêu cầu tính số tiền 3.000.000đồng tiền lãi đã gộp vào tiền vốn, yêu cầu bà L1 và anh N liên đới trả cho bà L số tiền vốn là 73.000.000đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Minh N trình bày thống nhất với nhau các nội dung sau: Bà Nguyễn Thị Kim L1 có vay của bà Lê Thị L nhiều lần tổng số tiền là 53.000.000đồng và anh Huỳnh Minh N có vay của bà Lê Thị L số tiền 20.000.000đồng. Ngoài ra, bà L1 còn nợ bà L số tiền lãi là 3.000.000đồng. Do đó, ngày 21/7/2019, anh N có viết giấy xác nhận nợ bà L tổng số tiền là 76.000.000đồng. Bà L1 có đóng lãi đến năm 2020 thì ngưng nhưng các đương sự không xác định được số tiền lãi đã đóng, vốn chưa trả. Nay, bà L, bà L1 và anh N thống nhất không tính số tiền 3.000.000đồng tiền lãi đã tính gộp vào tiền vốn nên bà L1 và anh N còn nợ bà L số tiền vốn là 73.000.000đồng.

[2.2] Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết các đương sự trình bày nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà L1 và anh N còn nợ bà L số tiền vốn là 73.000.000đồng.

[2.3] Nguyên đơn bà L yêu cầu bị đơn bà L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh N liên đới trả cho bà L số tiền 73.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật; bà L1 và anh N đồng ý cùng trả số tiền 73.000.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, bà L đã nhiều lần yêu cầu bà L1 và anh N trả tiền nhưng bà L1 và anh N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bà L1 và anh N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn theo quy định tại các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, bà L1 và anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn, nay lại xin kéo dài thời hạn trả nợ là gây thiệt hại cho quyền lợi của bà L và không được bà L chấp nhận nên yêu cầu trả nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật của bà L là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về lãi suất do bà L1, anh N đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử và vấn đề bồi thường thiệt hại, bà L không yêu cầu

bà L1 và anh N phải trả; số tiền lãi bà L1 đã trả bà L1 và anh N không yêu cầu tính lại nên Hội đồng xét xử ghi nhận các đương sự không tính lại các khoản này.

[3] Do các đương sự không có thỏa thuận về việc trả lãi nên lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi nguyên đơn bà L có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà L1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn bà L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh N có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử:*

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Minh N phải trả cho nguyên đơn bà Lê Thị L số tiền 73.000.000đồng (bảy mươi ba triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Lê Thị L có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Minh N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Minh N phải chịu 3.650.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị L 1.900.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003674 ngày 02/12/2021 và 441.560đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003838 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

3/ Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h. CT - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Nguyễn Huỳnh Trúc**